

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B (nay là khu phố V), thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Đặng Bá Kh, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B (nay là khu phố N), thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị T, anh Kh vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị Minh T trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì chị T và anh

Đặng Bá Kh mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và đăng ký kết hôn ngày 01-9-2006 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị T xin được ly hôn với anh Kh.

Về nuôi con chung: Chị T và anh Kh có 02 người con chung là Đặng Bảo A, sinh ngày 27-10-2006 và Đặng Bảo N, sinh ngày 27-6-2020. Chị T đồng ý để cháu A cho anh Kh nuôi dưỡng còn chị T nuôi dưỡng cháu N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Đặng Bá Kh, trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì anh Kh và chị Trần Thị Minh T mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và đăng ký kết hôn ngày 01-9-2006 tại UBND thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau. Đến tháng 4-2020, thì anh Kh và chị T ly thân, sau một thời gian ngắn chị T có trở lại sống chung khoảng 01 tháng thì không sống nữa. Qua thời gian anh Kh thấy tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được nhưng vì thương con còn nhỏ và không muốn gia đình đổ vỡ nên không đồng ý thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh Kh thống nhất theo ý kiến của chị T.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao con chung Đặng Bảo A, sinh ngày 27-10-2006 cho anh Kh nuôi dưỡng, còn chị T nuôi dưỡng con chung Đặng Bảo N, sinh ngày 27-6-2020; chị T và anh Kh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Kh không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị T và anh Kh sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh Kh là thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T, anh Kh vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh Kh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 01-9-2006 tại UBND thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị T, Tòa án cũng đã hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn còn anh Kh xác nhận mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hàn gắn được nhưng không đồng ý thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương theo yêu cầu của chị T. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Kh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh Kh.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị T và anh Kh có 02 người con chung là Đặng Bảo A, sinh ngày 27-10-2006 và Đặng Bảo N, sinh ngày 27-6-2020.

Chị T và anh Kh thỏa thuận chị T được quyền nuôi dưỡng cháu N còn anh Kh được quyền nuôi dưỡng cháu A; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; hiện cháu A đã trên 07 tuổi và cũng có nguyện vọng được sống với anh Kh nên xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Kh không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Minh T và anh Đặng Bá Kh.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Minh T và anh Đặng Bá Kh có 02 người con chung là Đặng Bảo A, sinh ngày 27-10-2006 và Đặng Bảo N, sinh ngày 27-6-2020;

Giao con chung Đặng Bảo A, sinh ngày 27-10-2006 cho anh Đặng Bá Kh trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung Đặng Bảo N, sinh ngày 27-6-2020 cho chị Trần Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Minh T và anh Đặng Bá Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Minh T và anh Đặng Bá Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0005161

ngày 09 tháng 3 năm 2021; chị Trần Thị Minh T đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND TT C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga